

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN CẨM MỸ
TỈNH ĐỒNG NAI

Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 06/2025/ DS - ST

Ngày: 20/02/2025

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ - TỈNH ĐỒNG NAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Trung

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Vũ Thị Thuỳ Dương

- Ông Lê Đức Dũng

Thư ký phiên tòa: ông Phạm Tuấn Hải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 02 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 147/2023/TLST-DS ngày 18 tháng 10 năm 2023 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2024/QĐXXST – DS ngày 18 tháng 6 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2024/QĐST – DS ngày 09/7/2024, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 37/2024/QĐST-DS ngày 25/7/2024, Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 123/TB-TA ngày 06/11/2024; thông báo về việc mở lại phiên tòa số 06/TB-TA ngày 08/01/2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Trần Minh Q, sinh năm: 1993 (vắng mặt)

Địa chỉ: tổ F, ấp F, xã S, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

- *Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn:* chị Trần Thị Hoài M, sinh năm 1991 (có mặt)

Địa chỉ: Khu phố S, thị trấn L, huyện C, Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Mạnh T, sinh năm 1976 (vắng mặt)

Chị Trần Thị Vân G, sinh năm 1981 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp E, xã S, huyện C, Đồng Nai.

- *Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn:* Anh Nguyễn Huy H, sinh năm 1985; địa chỉ: 4 N, khu phố D, phường Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Trần Văn T1, sinh năm 1969 và bà Đỗ Thị Thu N, sinh năm 1970 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Tổ F, ấp F, xã S, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

+ Chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ F, ấp F, xã S, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Quá trình tố tụng tại Toà án, nguyên đơn anh Trần Minh Q và đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn bà Trần Thị Hoài M trình bày:

Ngày 15/8/2023, anh Trần Minh Q cho vợ chồng chị Trần Thị Vân G và anh Nguyễn Mạnh T vay số tiền 600.000.000 đồng, anh Q nhận số tiền này trả cho ông T1 và bà N, thời hạn vay là khoảng 10 ngày nên các bên không viết giấy mượn tiền. Quá thời hạn vay mà chị G ông T không trả tiền mà xin gia hạn thêm nên ngày 29/8/2023 chị G viết giấy vay tiền và ký tên trong giấy vay tiền. Khi vay tiền các bên không thoả thuận lãi, thoả thuận thời hạn trả gốc là ngày 12/9/2023. Tuy nhiên đến ngày 12/9/2023 vợ chồng bà G và ông T không thanh toán tiền cho anh Q nên anh Q khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết.

Ngày 07/9/2023, bà G cần số tiền gấp nên vay của anh Q 41.000.000 đồng, anh Q chuyển khoản vào số tài khoản 050073445679 mở tại Ngân hàng TMCP S, chủ tài khoản là chị Trần Thị Vân G. Khi vay các bên thoả thuận vay vài hôm sẽ thanh toán, không thoả thuận lãi suất. Tuy nhiên, sau đó bà G không thanh toán tiền cho anh Q.

Số tiền này là tài sản riêng của anh Q không phải là tài sản chung của anh Q và chị B.

Nay anh Trần Minh Q yêu cầu chị Trần Thị Vân G và anh Nguyễn Mạnh T phải thanh toán cho anh Q 641.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi suất.

* Tại bản tự khai, các lời khai bổ sung và tại phiên toà người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn anh Nguyễn Huy H trình bày: Trước đây giữa chị B, anh Q và chị G có quan hệ vay tài sản với nhau nhiều lần đến ngày 15/5/2023 thì chốt nợ chị G còn nợ chị B, anh Q 3.099.500.000 đồng. Khi chốt nợ thì các bên có viết giấy tay với nhau theo giấy vay tiền ngày 15/5/2023 là chị G vay của ông Trần Văn T1 và bà Đỗ Thị Thu N (ông T1, bà N là cha mẹ ruột của anh Q) số tiền 3.099.500.000 đồng. Giấy vay tiền ngày 15/5/2023 ghi bên cho vay là ông T1 bà N nhưng thực chất đây là số tiền của anh Q chị B. Số tiền 3.099.500.000 đồng các bên thoả thuận thanh toán thành 10 đợt sẽ thanh toán hết tiền gốc và tiền lãi cụ thể:

Đợt 1: ngày 15/6/2023 thanh toán 286.000.000 đồng.

Đợt 2: ngày 15/7/2023 thanh toán 321.000.000 đồng

Đợt 3: ngày 15/8/2023 thanh toán 312.750.000 đồng

Đợt 4: Ngày 15/9/2023 thanh toán 344.000.000 đồng

Đợt 5: Ngày 15/10/2023 thanh toán 330.200.000 đồng

Đợt 6: ngày 15/11/2023 thanh toán 408.000.000 đồng.

Đợt 7: ngày 15/12/2023 thanh toán 330.700.000 đồng

Đợt 8: ngày 15/01/2024 thanh toán 310.450.000 đồng

Đợt 9: Ngày 15/02/2024 thanh toán 234.800.000 đồng

Đợt 10: Ngày 15/03/2024 thanh toán 218.600.000 đồng

Quá trình vay thì chị G thanh toán được 02 đợt là đợt 1 và đợt 2. Đến ngày 15/8/2023 thì chị G không thanh toán được vì lãi suất quá cao và không thanh toán được tiền đợt 3 và đợt 4 nên chị G vay của anh Q số tiền 600.000.000 đồng để thanh toán cho ông T1 bà N tiền gốc và lãi của đợt 3 và đợt 4. Chị G ký giấy mượn tiền của anh Q ngày 29/8/2023 nhưng không nhận tiền từ anh Q mà nhờ anh Q giao số tiền này lại cho ông T1 bà N để trả lãi đợt 3 và đợt 4 của khoản vay ngày 15/5/2023. Tuy nhiên, anh Q đã không trả cho ông T1 bà N số tiền

600.000.000 đồng theo như thỏa thuận nên ông T1 bà N mới khởi kiện anh T và chị G số tiền 2.492.500.000 đồng là chưa trừ đi số tiền chị G đã thanh toán đợt 3 và đợt 4.

Đến ngày 18/9/2023, ông T1 bà N đã bán số nợ 3.099.500.000 đồng cho công ty M1. Công ty M1 đã nhiều lần đến Phòng khám Đ để quấy phá, gây áp lực để bà G trả số tiền 3.099.500.000 đồng.

Ngày 07/9/2023, bà G có vay của anh Trần Minh Q số tiền 41.000.000 đồng. Khi vay các bên không thỏa thuận lãi suất.

Nay đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: chị G không đồng ý trả cho anh Q 600.000.000 đồng vì số tiền này chị G nhờ anh Q trả cho ông T1 bà N nhưng anh Q không trả. Anh T không đồng ý trả số tiền này cho anh Q vì ông không biết việc vay mượn tiền giữa các bên.

Chị G đồng ý thanh toán cho nguyên đơn 41.000.000 đồng và anh T không đồng ý thanh toán số tiền này cho anh Q.

*Tại bản tường trình, bản tường trình bổ sung người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị B trình bày: Theo đơn khởi kiện anh Trần Minh Q yêu cầu chị Trần Thị Vân G và anh Nguyễn Mạnh T phải trả số tiền vay là 641.000.000 đồng. Khi các bên vay thì anh Q đều nói cho chị biết nhưng đây là số tiền riêng của anh Q trước khi kết hôn với chị nên chị không yêu cầu buộc chị G, anh T phải trả nợ mà đề nghị Tòa án giải quyết số vay này cho anh Q.

*Tại bản tường trình người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn T1 và bà Đỗ Thị Thu N trình bày: ông bà là cha mẹ ruột của anh Trần Minh Q. Ngày 15/5/2024, ông bà cho chị Trần Thị Vân G vay 3.099.500.000 đồng. Số tiền này ông bà cho chị G và anh T vay không liên quan đến số tiền 600.000.000 đồng anh Q cho chị G anh T vay ngày 29/8/2023. Ngày 15/8/2023, ông bà nhận của anh Q số tiền 600.000.000 đồng mà chị G thanh toán nợ cho ông bà đối với khoản tiền lãi của đợt 3 và đợt 4 của khoản vay 3.099.500.000 đồng theo giấy mượn tiền ngày 15/5/2023.

* Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ phát biểu ý kiến:

+ Việc tuân theo pháp luật thủ tục tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Kiến nghị vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử.

+ Về nội dung vụ án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc chị Trần Thị Vân G và anh Nguyễn Mạnh T phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho anh Trần Minh Q 641.000.000 đồng; về án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Anh Trần Minh Q có đơn khởi kiện anh Nguyễn Mạnh T và chị Trần Thị Vân G kiện đòi tiền vay, anh T và chị G hiện thường trú tại xã S, huyện C nên quan hệ pháp luật là “*Tranh*

chấp hợp đồng vay tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ.

[2] Về tư cách tố tụng: Anh Q có đơn khởi kiện anh Nguyễn Mạnh T và chị Trần Thị Vân G nên anh Q là nguyên đơn, anh T và chị G là bị đơn. Anh T và chị G cho rằng số tiền anh Q khởi kiện là tiền lãi của khoản vay 3.099.500.000 đồng, anh chị viết giấy nợ cho ông T1 bà N nên ông T1 bà N tham gia trong vụ án là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Đồng thời, anh T và chị G cho rằng số tiền 3.099.500.000 đồng là tiền của chị B và anh Q. Do đó, ông T1, bà N, chị B tham gia trong vụ án là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3] về thủ tục tố tụng: Ông T1 bà N và chị B có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp.

[4] Về nội dung tranh chấp: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả 600.000.000 đồng để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình nguyên đơn cung cấp 01 giấy mượn tiền ngày 29/8/2023 có chữ ký của bà Trần Thị Vân G và anh cũng thừa nhận đã nhận số tiền 600.000.000 đồng theo giấy mượn tiền và đã giao lại số tiền này cho ông T1 bà N. Bị đơn chị Trần Thị Vân G thừa nhận chữ ký là của chị G trong giấy mượn tiền nhưng không đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền 600.000.000 đồng vì cho rằng số tiền này chị G vay của anh Q để trả tiền của đợt 3 và đợt 4 của khoản vay 3.099.500.000 đồng theo giấy mượn tiền ngày 15/5/2023 nhưng anh Q không trả cho ông T1 bà N nên ông T1 bà N khởi kiện chị G anh T đối với số tiền 2.492.500.000 đồng là chưa trừ đi số tiền 600.000.000 đồng chị G nhờ anh Q thanh toán cho ông T1 bà N. Xét trình bày của các đương sự nhận thấy: Chị G cho rằng chị vay số tiền 600.000.000 đồng và ký giấy mượn tiền ngày 29/8/2023 với anh Q nhưng không nhận tiền từ anh Q mà nhờ anh Q cầm số tiền này thanh toán cho ông T1 bà N, nhưng anh Q không thanh toán cho ông T1 bà N. Tuy nhiên, ông T1 bà N thừa nhận đã nhận số tiền 600.000.000 đồng từ anh Q nên ý kiến của chị G về số tiền 600.000.000 đồng anh Q không thanh toán cho ông T1 bà N là không có cơ sở mà trình bày của anh Q là có cơ sở chấp nhận.

Chị G cho rằng anh Q không thanh toán 600.000.000 đồng cho ông T1 bà N nên ông T1 bà N mới khởi kiện chị G số tiền 2.492.500.000 đồng. Tuy nhiên, đơn khởi kiện này chưa được Tòa án thụ lý giải quyết bằng vụ án mới chỉ là trình bày của ông T1 bà N nên không có căn cứ để xác định ông T1 bà N chưa nhận tiền từ anh Q. Do đó, không có cơ sở để xác định ông T1 bà N chưa nhận tiền của anh Q.

Từ các nhận định trên xét thấy chị G có vay của anh Q số tiền 600.000.000 đồng nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

Nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận chị G vay số tiền 41.000.000 đồng và đồng ý trả nên ghi nhận.

Số tiền 600.000.000 đồng chị G ký giấy mượn tiền ngày 29/8/2023 và số tiền 41.000.000 đồng chị G vay của anh Q phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của chị G và anh T nên chị G và anh T phải liên đới trả số tiền này cho anh Q.

Chị B và anh Q thống nhất số tiền này của riêng anh Q nên số tiền này là tài sản riêng của anh Q.

Từ các nhận định trên buộc anh T và chị G phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho nguyên đơn 641.000.000 đồng. Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi suất nên không xem xét.

[4] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 29.640.000 đồng.

Hoàn trả toàn bộ tiền tạm ứng án phí lại cho nguyên đơn.

[5] Xét thấy quan điểm của đại diện VKS phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp thuận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 30, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trần Minh Q về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc chị Trần Thị Vân G và anh Nguyễn Mạnh T phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho anh Trần Minh Q 641.000.000 (*Sáu trăm bốn mươi một triệu*) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

- Chị Trần Thị Vân G và anh Nguyễn Mạnh T phải chịu 29.640.000 (*Hai mươi chín triệu sáu trăm bốn mươi ngàn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả cho anh Trần Minh Q 14.000.000 (*Mười bốn triệu*) đồng tạm ứng án phí mà anh Q đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000374 ngày 13/10/2023 và 1.025.000 (*Một triệu không trăm hai mươi lăm ngàn*) đồng tạm ứng án phí mà anh Q đã nộp theo biên lai thu tiền số 0011779 ngày 11/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ.

3. Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ theo quy định pháp luật.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008

(sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014)/.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai
- Viện kiểm sát H. Cẩm Mỹ;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS huyện Cẩm Mỹ;
- Đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mai Trung